

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2025/DS-ST

Ngày: 25/9/2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Kiệt

2. Bà Phạm Thị Lan

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – An Giang tham gia phiên tòa: Vụ án không thuộc hợp có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 09 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2025/TLST-DS, ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Thông báo dời ngày mở lại phiên tòa số: 07/2025/TB-TA, ngày 07 tháng 09 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng C, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang (có mặt).

Bị đơn: Bà Châu Ánh H, sinh năm 1971

Ông Phạm Văn D, sinh năm 1967 (chồng bà H).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang (bà H và ông D đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2025 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Hồng C trình bày:

Trong thời gian từ năm 2023 đến năm 2024 bà Nguyễn Hồng C có cho vợ chồng bà Châu Ánh H và ông Phạm Văn D vay tiền nhiều lần, mục đích vay là để vợ chồng

bà H, ông D kinh doanh làm ăn. Ngày 29/11/2024 hai bên đối chiếu nợ, bà Châu Ánh H ký biên nhận thiếu bà Nguyễn Hồng C số tiền là 761.000.000 đồng và hẹn trong thời hạn 30 ngày sẽ trả cho bà C số tiền trên. Tuy nhiên, từ đó đến nay vợ chồng bà H, ông D không thực hiện việc trả nợ, bà C có yêu cầu bà H trả nợ nhiều lần nhưng bà H cứ hẹn mà không trả. Nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Châu Ánh H và ông Phạm Văn D trả cho bà C số tiền vay còn thiếu là 761.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 29/11/2024 đến khi trả dứt nợ.

Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 14/4/2025 của Tòa án bị đơn bà Châu Ánh H trình bày: Bà H thừa nhận có vay tiền của bà C nhiều lần và còn nợ lại bà C số tiền là 761.000.000 đồng, nhưng do làm ăn gặp khó khăn nên đến nay bà H chưa có tiền trả cho bà C. Bà H đồng ý trả cho bà C số tiền vay là 761.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật (1,66%/tháng) từ ngày 29/11/2024 đến ngày 14/4/2025 là 52.635.000 đồng.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 11/3/2025; 02 Biên nhận vay tiền ngày 29/11/2024.

Bị đơn cung cấp: Đơn xin tạm vắng mặt của bà Châu Ánh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Châu Ánh H và ông Phạm Văn D được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2025 Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà Châu Ánh H và ông Phạm Văn D.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Hồng C với bị đơn bà Châu Ánh H, ông Phạm Văn D là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Cụ thể theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Hồng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Châu Ánh H và ông Phạm Văn D trả cho bà C số tiền vay là 761.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 29/11/2024 đến khi trả dứt nợ.

[3]. Xét về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng C trình bày: Vào ngày 10/4/2025 Tòa án mời hòa giải vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà C với vợ chồng bà H, ông D, do ông D chồng bà H vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Tại buổi làm việc, bà C và bà H tạm thời đã thỏa thuận được những nội dung như sau: Bà H đồng ý trả cho bà C số tiền vay còn thiếu là 761.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật (1,66%/tháng) từ ngày

29/11/2024 đến ngày 14/4/2025 là 52.635.000 đồng. Bà H cam kết trả cho bà C số tiền trên với thời gian như sau:

Ngày 29/4/2025 bà H trả cho bà C số tiền lãi là 52.635.000 đồng.

Ngày 30/5/2025 bà H trả cho bà C số tiền gốc 253.000.000 đồng.

Ngày 30/6/2025 bà H trả cho bà C số tiền gốc 253.000.000 đồng.

Ngày 30/7/2025 bà H sẽ trả cho bà C số tiền gốc còn lại 255.000.000 đồng. Ngoài số tiền trên, thì bà H còn đồng ý trả cho bà C số tiền lãi phát sinh hàng tháng từ ngày 15/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ với mức lãi suất là 1,66%/tháng tương ứng với tiền còn thiếu. Hai bên thỏa thuận, tạm thời bà C đồng ý cho bà H trả nợ với thời gian như trên, nếu bà H không thực hiện đúng việc trả nợ như thỏa thuận thì bà C sẽ yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật. Sau đó, đến ngày 29/4/2025 bà H có trả cho bà C được số tiền lãi là 52.635.000 đồng. Đến ngày 15/6/2025 thì bà H có trả cho bà C được thêm 100.000.000 đồng tiền gốc. Còn nợ lại số tiền gốc 661.000.000 đồng đến nay không trả. Bà C có liên lạc nhiều lần để yêu cầu bà H trả số nợ gốc còn lại nhưng bà H nói khi nào có tiền sẽ trả chứ không hẹn thời gian.

Tại phiên tòa, bà C xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 152.635.000 đồng, vì bà H đã trả được cho bà C số tiền lãi và gốc tổng cộng là 152.635.000 đồng. Nên bà C chỉ yêu cầu bà H, ông D trả số tiền gốc còn lại là 661.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 16/6/2025 cho đến khi trả dứt nợ. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 152.635.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền là 152.635.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền vay còn lại là 661.000.000 đồng, nhận thấy: Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 14/4/2025 bị đơn bà Châu Ánh H thừa nhận có vay tiền và còn nợ lại bà C số tiền là 761.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 29/11/2024 đến ngày 14/4/2025 là 52.635.000 đồng. Sau đó bà H có trả được cho bà C số tiền lãi là 52.635.000 đồng. Đến ngày 15/6/2025 thì bà H có trả cho bà C được số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Còn nợ lại số tiền 661.000.000 đồng. Tại phiên tòa, mặc dù vợ chồng bà H, ông D đều vắng mặt, nhưng tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 14/4/2025 bị đơn bà H thừa nhận có vay tiền và còn nợ lại bà C số tiền 761.000.000 đồng và tiền lãi là 52.635.000 đồng. Đến ngày 15/6/2025 thì bà H có trả cho bà C được số tiền gốc là

100.000.000 đồng. Còn nợ lại số tiền gốc 661.000.000 đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng được bị đơn thừa nhận, căn cứ Điều 92 Bộ luật dân sự 2015, Tòa án xác định việc nguyên đơn cho rằng có cho bị đơn vay tiền là có thật, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

Về phần lãi suất: Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 14/4/2025 bà C và bà H thống nhất mức lãi suất là 1,66%/tháng. Tại phiên tòa, bà C yêu cầu vợ chồng bà H, ông D trả số tiền lãi theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,66%/tháng theo biên bản ngày 14/4/2025 của Tòa án. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 14/4/2025 của Tòa án, bà C và bà H có thỏa thuận: Ngoài số tiền gốc và lãi (tính đến ngày 14/4/2025), thì hàng tháng từ ngày 15/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ bà H còn đồng ý trả cho bà C số tiền lãi hàng tháng với mức lãi suất là 1,66%/tháng tương ứng với tiền còn thiếu. Xét việc hai bên thỏa thuận việc trả lãi theo mức lãi suất là 1,66%/tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Nên việc bà C yêu cầu bị đơn phải trả lãi đối với tiền còn thiếu 661.000.000 đồng từ ngày 15/4/2025 đến khi xét xử (ngày 25/9/2025) và lãi phát sinh hàng tháng cho đến khi trả dứt nợ là có cơ sở chấp nhận. Như vậy, số tiền lãi của số tiền 661.000.000 đồng từ ngày 15/4/2025 đến 25/9/2025 sẽ là: $661.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 58.520.000 \text{ đồng}$ (năm mươi tám triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 25/9/2025 là 719.520.000 đồng (bảy trăm mười chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Về trách nhiệm trả nợ: Theo nguyên đơn bà C trình bày thì số tiền này bà C cho vợ chồng bà H vay để kinh doanh, làm ăn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tổng đạt trực tiếp thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định hoãn phiên tòa cho ông Phạm Văn D, tức là ông D cũng biết việc vợ chồng ông D, bà H bị bà C khởi kiện đòi nợ nhưng ông D không có yêu cầu phản tố hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến về số nợ trên. Căn cứ Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng, Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng bà H, ông D phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà C số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 25/9/2025 là 719.520.000 đồng (bảy trăm mười chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngoài số tiền trên, thì vợ chồng bà H, ông D còn phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền lãi phát sinh hàng tháng từ ngày 26/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ với mức lãi

suất là 1,66%/tháng tương ứng với tiền còn thiếu.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Châu Ánh H, ông Phạm Văn D phải chịu tiền án phí theo giá ngạch là 32.780.000 đồng (ba mươi hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.220.000 đồng (mười bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014007 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – An Giang).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 92, khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng C với bị đơn bà Châu Ánh H, ông Phạm Văn D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Châu Ánh H, ông Phạm Văn D chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Hồng C số tiền vay gốc và lãi tổng cộng là 719.520.000 đồng (bảy trăm mười chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

3. Ngoài số tiền trên, thì từ ngày 26/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ cho bà C, hàng tháng vợ chồng bà H, ông D còn phải trả cho bà C số tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 1,66%/tháng tương ứng với tiền còn thiếu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Châu Ánh H, ông Phạm Văn D phải chịu tiền án phí theo giá ngạch là 32.780.000 đồng (ba mươi hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng C nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.220.000 đồng (mười bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014007 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – An Giang).

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND Khu vực 6 – An Giang;
- Thi hành án DS tỉnh An Giang;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh